TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 229/2026/DS - ST**
Ngày 27- 7- 2026
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Nhi
2. Ông Lê Anh Giàu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Tạ Nguyễn Gia Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 374/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2026/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2026/QĐST –DS ngày 10/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N2;

Trụ sở: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Minh C – Giám đốc A Chi nhánh B.

Địa chỉ: Số A, N, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Minh C: Ông Võ Đệ Q, sinh năm 1976 – Phó phòng khách hàng cá nhân A chi nhánh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1996;

Địa chỉ thường trú: T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1971. Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1976. Địa chỉ thường trú: T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1999. Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm G đại diện cho hộ gia đình gồm ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N theo giấy ủy quyền ngày 23/01/2025 ký kết hợp Hợp đồng tín dụng số 7100-LAV-202500049 ngày 23/01/2025 với Ngân hàng N2 - Chi nhánh B; Hạn mức cho vay: 2.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức tối đa: 12 tháng, kể từ ngày 23/01/2025 đến ngày 23/01/2026; Phương thức cho vay theo hạn mức (dư nợ đa của khách hàng không vượt quá hạn mức cho vay trong thời gian hợp đồng tín dụng có hiệu lực); Mục đích vay bổ sung vốn lưu động mua bán mụn dừa. Số tiền giải ngân là 4.000.000.000 đồng, thực hiện các lần giải ngân như sau:

- Số giải ngân 7100-LDS-202500294 ngày 24/01/2025 đến hạn giải ngân 24/7/2026 số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng.

- Số giải ngân 7100-LDS-202502247 ngày 22/7/2025 đến hạn giải ngân 22/01/2026 số tiền giải ngân 2.000.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, các bên đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản qua Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2025.80.25. ngày 23 tháng 01 năm 2025 đã Ủy ban nhân dân xã T, huyện M Bến Tre chứng thực ngày 23/01/2025 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/01/2025 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 472, tờ bản đồ số: 14, Địa chỉ: T, xã T, huyện M - tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 942.8 m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 113462 số vào sổ cấp GCN VP06156 do Văn phòng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2023 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 372, tờ bản đồ số: 14, Địa chỉ: T, xã T, huyện M - tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 1.815.7 m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 113461 số vào sổ cấp GCN VP06155 do Văn phòng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2023 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Cẩm G có trả cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh B số tiền 2.091.651.942 đồng (trong đó vốn 2.000.000.000 đồng, nợ lãi 91.651.942 đồng). Từ ngày 23/01/2026 bà Nguyễn Thị Cẩm G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù ngân hàng đã tạo mọi điều kiện cho bà Nguyễn Thị Cẩm G thanh toán nợ nhưng bà Nguyễn Thị Cẩm G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N2- Chi nhánh B số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/7/2026 là: 2.156.004.127 đồng, trong đó số tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 113.972.602 đồng; lãi quá hạn 40.356.164 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn 1.675.361 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả toàn bộ lãi vay trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh từ 28/7/2026 cho đến ngày trả tất nợ vay tại Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 2025.80.25.004/HĐTC ngày 23/01/2025 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ cho nguyên đơn thì bà Nguyễn Thị Cẩm G có trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh B cho đến khi trả tất nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N đã được Tòa án

tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng Nguyễn Thị Cẩm G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan điểm phát biểu của Viện kiểm sát đề nghị tại văn bản ngày 27 tháng 7 năm 2026 đã lưu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 407, 408, 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân 91 và khoản 2 Điều 95 ; Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội; đề nghị:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N2 - Chi nhánh B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N2- Chi nhánh B số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/7/2026 là: 2.156.004.127 đồng, trong đó số tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 113.972.602 đồng; lãi quá hạn 40.356.164 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn 1.675.361 đồng và toàn bộ phần nợ lãi cho đến ngày bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 trả tất nợ vay cho Ngân hàng.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 400.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]: Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N.

[3] Về nội dung vụ án:Ngân hàng N2 - Chi nhánh B yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N2- Chi nhánh B số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/7/2026 là: 2.156.004.127 đồng, trong đó số tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 113.972.602 đồng; lãi quá hạn 40.356.164 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn 1.675.361 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có nghĩa vụ liên đới phải tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 28/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong Hợp đồng tín dụng mà bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 đã ký kết với Ngân hàng N2 - Chi nhánh B.

Xét thấy: Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng tín dụng số 7100-LAV-202500049 ngày 23/01/2025; hợp đồng ủy quyền ngày 23/01/2025; Bản sao báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ giải ngân 7100-LDS-202502247 ngày 22/7/2025; Bản sao báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ giải ngân 7100-LDS-202500294 ngày 24/01/2025 (Không thấy); Bản phô tô Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay ngày 18/8/2025; Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 23/01/2025 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Bến Tre; Giấy báo nợ đến hạn; bản sao biên bản xử lý nợ ngày 26/01/2026, ngày 12/02/2026, ngày 02/3/2026. Bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N vẫn còn đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên. Tòa án đã tống đạt hợp lệ bản sao tài liệu chứng cứ là căn cứ khởi kiện nguyên đơn và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưngBà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N vẫn vắng mặt không có lý do; Bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N cũng không có ý kiến phản đối gì đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Xét về nội dung và hình thức hợp đồng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Tổ chức tín dụng. Hợp đồng thể hiện mục đích sử dụng vốn vay; căn cứ vào các hợp đồng tài sản thế chấp Bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N đã bàn giao giấy tờ, tài sản thế chấp; Ngân hàng xét duyệt trước khi ký kết hợp đồng. Hợp đồng tín dụng được công chứng, chứng thực theo đúng quy định pháp luật nên hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do Bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh N vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng N2 - Chi nhánh B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N2- Chi nhánh B số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/7/2026 là: 2.156.004.127 đồng, trong đó số tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 113.972.602 đồng; lãi quá hạn 40.356.164 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn 1.675.361 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có nghĩa vụ liên đới phải tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 28/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong Hợp đồng tín dụng mà bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 đã ký kết với Ngân hàng N2 - Chi nhánh B là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2025.80.25. ngày 23 tháng 01 năm 2025 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M Bến Tre chứng thực ngày 23/01/2025 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/01/2025 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M được ký kết giữa Ngân hàng là người có thẩm quyền với là người có đủ năng lực hành vi dân sự, bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 đã tự nguyện thỏa thuận ký kết hợp đồng với nhau và hợp đồng đã được công thực tại Văn phòng công chứng theo đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng thế chấp mà các bên đã tự nguyện ký kết là đúng với quy định pháp luật nên đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2025.80.25. ngày 23 tháng 01 năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M Bến Tre chứng thực ngày 23/01/2025 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/01/2025 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 472, tờ bản đồ số: 14, Địa chỉ: T, xã T, huyện M - tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 942.8 m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 113462 số vào sổ cấp GCN VP06156 do Văn phòng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2023 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 372, tờ bản đồ số: 14, Địa chỉ: T, xã T, huyện M - tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 1.815.7 m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 113461 số vào sổ cấp GCN VP06155 do Văn phòng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2023 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C1.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trường hợp bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tất cả các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2025.80.25. ngày 23 tháng 01 năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M Bến Tre chứng thực ngày 23/01/2025 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/01/2025 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M.

[5Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 phải liên đới chịu án phí theo quy định 72.000.000 đồng + 156.004.127 đồng x 2% = 75.120.082 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N2 - Chi nhánh B tự nguyện chịu 400.000 đồng

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; 266 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100 và Điều 103 Luật tổ chức tín dụng 2024

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2 - Chi nhánh B.

Buộc hợp bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh B số tiền là 2.156.004.127 (Hai tỷ, một trăm năm mươi sáu triệu, không trăm lẽ bốn nghìn, một trăm hai mươi bảy) đồng, trong đó số tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 113.972.602 đồng; lãi quá hạn 40.356.164 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn 1.675.361 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 28/7/2026 cho đến khi trả tất các khoản nợ vay cho N2 - Chi nhánh B.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N2 - Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tất cả các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2025.80.25. ngày 23 tháng 01 năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M Bến Tre chứng thực ngày 23/01/2025 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/01/2025 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 472, tờ bản đồ số: 14, Địa chỉ: T, xã T, huyện M - tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 942.8 m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 113462 số vào sổ cấp GCN VP06156 do Văn phòng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2023 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 372, tờ bản đồ số: 14, Địa chỉ: T, xã T, huyện M - tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); Diện tích: 1.815.7 m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DL 113461 số vào sổ cấp GCN VP06155 do Văn phòng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2023 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C1.

Trường hợp tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh B thì Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 có trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả tất nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Cẩm G, ông Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim N1 liên đới chịu 75.120.082 (Bảy mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn, không trăm tám mươi hai) đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.548.812 (Ba mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0007619 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
-THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê